TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ XUYÊN** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22/10/2018.
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Minh Suốt.

2. Ông Lê Minh Trí.

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Khải– Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2018/TLST-HNGĐ ngày 03/4/2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Số 08, ấp T, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Cẩm N (H), sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 145, ấp H, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 23/3/2018, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn ông Lê Văn Đ trình bày: Ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị Cẩm N kết hôn vào năm 2013, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 19/6/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được 03 năm, nhưng trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên bất đồng ý kiến, dẫn đến cãi vã, hôn nhân không hạnh phúc. Đến tháng 4 năm 2016 bà N bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, nên kể từ tháng 4 năm 2016 vợ chồng không còn chung sống với nhau đến nay. Ông Đ xác định hôn nhân không còn hạnh phúc, ông và bà N không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên ông Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị Cẩm N.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm N:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã cấp, tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị Cẩm N theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bà Nguyễn Thị Cẩm N không gửi ý kiến bằng văn bản cho Toà án biết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà N cũng không đến Toà án để tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không đến tham gia phiên toà xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm N đã được cấp, tống đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng bà N vẫn vắng mặt không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm N.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lê Văn Đ; Về con chung: Không có, nên không đặt ra xem xét; Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm N đã được cấp, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai, nhưng bà N vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm N.

Về nội dung:

[1] Vụ kiện của ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị Cẩm N là loại kiện hôn nhân và gia đình về việc ly hôn. Ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị Cẩm N kết hôn vào năm 2013, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị Cẩm N là hôn nhân hợp pháp. Khi thụ lý vụ án, Tòa án thông báo cho bà N về việc thụ lý vụ án theo thông báo số 93/TB-TLVA ngày 03/4/2018, thông báo cho các đương sự để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa ông Lê Văn Đủ và bà Nguyễn Thị Cẩm N, nhưng bà N vẫn không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án. Tại phiên tòa hôm nay, ông Đ kiên quyết yêu cầu ly hôn với bà N, vì kể từ tháng 4 năm 2016 đến nay ông và bà N không còn sống chung, không liên hệ, không còn quan tâm nhau, ông và bà N không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, ông Đ xác định giữa ông và bà N không còn tình cảm, nếu tiếp tục kéo dài hôn nhân sẽ không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân giữa ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị Cẩm N không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lê Văn Đ.

[2] Về con chung: Ông Lê Văn Đủ và bà Nguyễn Thị Cẩm Nang không có con chung.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[4] Về nợ chung: Ông Lê Văn Đ trình bày không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Ông Lê Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm theo định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

[6] Vấn đề Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn Đ được quyền ly hôn với bà Nguyễn Thị Cẩm N.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Ông Lê Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ông Đ đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002414 ngày 30/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên. Như vậy, ông Đ đã nộp xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- UBND xã G - nơi đăng ký hộ tịch;
(Giấy CNKH số 47, quyển 01 ngày 19.6.2013)
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THA dân sự huyện Mỹ Xuyên;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ái Mỹ